TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2025.
V/v ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp.

2. Ông Danh On.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 01/01/1978 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N II, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu B trình bày: Bà và Ông G xây dựng hôn nhân vào năm 2000. Đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã N, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, bà và Ông G có 02 người con chung là cháu Nguyễn Sỹ L sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 05/5/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, tự thoả thuận. Về nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Bà và Ông G đã

sống ly thân khoảng 02 năm nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vây, nay bà yêu cầu ly hôn với Ông G. Về con chung, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, bà và Ông G tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn G trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2025: Ông thống nhất với Bà B về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống về vấn đề tiền bạc, không còn tình cảm và đã sống ly thân khoảng 02 năm nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy, nay ông đồng ý ly hôn với Bà B. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, ông và Bà B tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, Ông G không yêu cầu gì khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà B và Ông G. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, Bà B và Ông G tự thoả thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Bà B và Ông G mỗi người phải chịu 75.000 đồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn G. Khi khởi kiện, Ông G có địa chỉ tại ấp Nhà Lầu II, xã Ninh Thạnh Lợi, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Ông Nguyễn Văn G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà B và Ông G theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Ninh Thạnh Lợi A,

huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Uỷ ban nhân dân xã Ninh Thạnh Lợi, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 10 năm 2003 nên hôn nhân giữa Bà B và Ông G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà Nguyễn Thị Thu B xác định quá trình chung sống, bà và Ông G bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Bà và Ông G đã sống ly thân khoảng 2 năm nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2025, Ông G cũng xác định xác định đồng ý ly hôn với Bà B. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa Bà B và Ông G đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Bà B và Ông G đều có nguyện vọng muốn ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Bà B và Ông G theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, Bà B và Ông G có 02 người con chung là cháu Nguyễn Sỹ L, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 05/5/2006. Hiện nay, cà cháu Liêm và cháu Sương đều đã trưởng thành, Bà B và Ông G cũng không đặt ra yêu cầu về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G xác định quá trình chung sống, không có nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu 75.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 3 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Thu B với Ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Sỹ Liêm, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thảo Sương, sinh ngày 05/5/2006 đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Thu B và Ông Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi năm nghìn đồng) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau, Bà Nguyễn Thị Thu B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011415 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau, đối trừ số tiền án phí Bà Nguyễn Thị Thu B được nhận lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- UBND xã N, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu